

SỞ Y TẾ TỈNH BẮC NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA
BẮC NINH SỐ 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5359/YCBG-BVĐKBN2
V/v yêu cầu báo giá gói thầu
Mua sắm vật tư phục vụ công tác
sửa chữa thường xuyên năm 2026

Bắc Ninh, ngày 12 tháng 6 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Gói thầu: Mua sắm vật tư phục vụ công tác sửa chữa thường xuyên năm 2026

Thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm vật tư phục vụ công tác sửa chữa thường xuyên năm 2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức mua sắm Gói thầu: Mua sắm vật tư phục vụ công tác sửa chữa thường xuyên năm 2026 thuộc dự toán mua sắm: Mua sắm vật tư phục vụ công tác sửa chữa thường xuyên năm 2026 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2.

Địa chỉ: Đường Nguyễn Quyền, phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Nga

- Chức vụ: Văn thư

- Số điện thoại: 0222.3821.242

- Địa chỉ email: bvdkbacninh@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:

- *Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2 - Đường Nguyễn Quyền, phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh.*

- *Hoặc nhận qua email (Bản PDF có chữ ký, đóng dấu đỏ Công ty và file excel) theo địa chỉ: bvdkbacninh@gmail.com*

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 12 tháng 6 năm 2026 đến trước 13 giờ 30 phút ngày 22 tháng 6 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 22 tháng 6 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hoá, dịch vụ yêu cầu chi tiết: *Theo Phụ lục đính kèm.*

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản hàng hoá:

- Địa điểm giao hàng: Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2, đường Nguyễn Quyền, phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh.

3. Thời gian thực hiện hợp đồng dự kiến: 06 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Không tạm ứng.

- Thanh toán bằng chuyển khoản.

- Thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ ngày hoàn tất các thủ tục thanh toán (hóa đơn, biên bản bàn giao và các chứng từ liên quan) bên mua sẽ chuyển khoản toàn bộ số tiền đã mua hàng hóa cho bên bán.

5. Các thông tin khác (nếu có).

- Chất lượng hàng hoá mới 100%.

- Báo giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có)... và các khoản chi phí khác có liên quan, bên mua không phải trả thêm bất kỳ khoản chi phí nào khác.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh (đăng tải);
- Cổng thông tin điện tử Sở Y tế (đăng tải);
- Phòng CNTT (đăng tải trên website của BV);
- Lưu VT, HXXDDT&giá.

GIÁM ĐỐC

Hạ Bá Chân

Phụ lục: Danh mục mua sắm, số lượng, yêu cầu kỹ thuật
Gói thầu: Mua sắm vật tư phục vụ công tác sửa chữa thường xuyên
năm 2026

(Kèm theo Quyết định số 5359/QĐ-BVĐKBN2 ngày 12/6/2026 của Giám đốc
Bệnh viện đa khoa Bắc Ninh số 2)

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu về kỹ thuật (Đối với các thông số cố định. cho phép chào các kích cỡ khác dao động tối đa $\pm 10\%$)	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bản lè 10cm	- Chiều dài: 10cm - Chất liệu: inox 304 hoặc tương đương - Độ dày: $\geq 2\text{mm}$	Cái	500
2	Băng tan (băng keo non)	- Chất liệu: PTFE (Teflon) hoặc tương đương - Chịu nhiệt, chịu hóa chất thông dụng	Cuộn	100
3	Bóng đèn LED trụ	- Công suất: 50W - Ánh sáng: trắng - Nhiệt độ màu: 3000K / 4000K / 6500K	Cái	100
4	Bộ loe lệch tâm	Bộ loe lệch tâm bao gồm tối thiểu: đầu loe, kẹp, dao cắt ống (cắt được ống $\text{Ø}4 - \text{Ø}28$)	Bộ	01
5	Bộ sen tắm nóng lạnh	Bộ sen tắm bao gồm tối thiểu: củ sen, dây dẫn, mặt sen. - Chất liệu: thép không gỉ hoặc tương đương - Đường kính: 6cm	Bộ	200
6	Bộ vít và nở $\text{Ø} 4\text{mm}$	- Chất liệu vít: thép hoặc tương đương - Chất liệu nở: nhựa hoặc tương đương - Kích thước: $\text{Ø} 4\text{mm}$	Bộ	500
7	Bộ vít và nở $\text{Ø} 6\text{mm}$	- Chất liệu vít: thép hoặc tương đương - Chất liệu nở: nhựa hoặc tương đương - Kích thước: $\text{Ø} 6\text{mm}$	Bộ	500
8	Bút thử điện	- Chiều dài: 127mm - Kiểm tra được nguồn điện trong phạm vi từ 100V~500V	Cái	50
9	Cờ lê xích	- Chất liệu: thép hoặc tương đương - Kích thước: 12 inch (300 mm) - Chiều dài dây xích: 510 mm	Cái	02

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu về kỹ thuật (Đối với các thông số cố định. cho phép chào các kích cỡ khác dao động tối đa $\pm 10\%$)	Đơn vị tính	Số lượng
		- Đường kính: trong khoảng từ Ø60mm – Ø150mm		
10	Chống giật bình nóng lạnh	- Có chức năng phát hiện dòng điện rò và tự động ngắt nguồn khi xảy ra sự cố - Điện áp: 110V~250V – 50Hz	Cái	100
11	Chốt cầu ngang	- Kiểu dáng: chốt ngang - Chất liệu: inox 304 hoặc tương đương - Chiều dài: 20cm	Cái	100
12	Chuông báo treo tường	- Bao gồm loa báo và nút bấm báo động - Điện áp làm việc: 220V AC (loa báo); nút bấm sử dụng pin - Âm lượng báo động: khoảng 110 dB - Khoảng cách truyền tín hiệu: tối thiểu 100 m trong điều kiện không có vật cản - Chất liệu: nhựa ABS hoặc tương đương	Cái	08
13	Dây cấp nước 40cm	- Chất liệu: nhựa hoặc tương đương - Đường kính: Ø15mm - Chiều dài: 40cm	Cái	200
14	Dây cấp nước 60cm	- Chất liệu: nhựa hoặc tương đương - Đường kính: Ø15mm - Chiều dài: 60cm	Cái	100
15	Dây đèn dùng cho bình nóng lạnh	Bao gồm dây giắc cắm và đèn báo hoạt động - Tương thích với các dòng bình nóng lạnh thông dụng, Ariston, Ferroli...	Bộ	100
16	Dây rút	- Chiều dài: đa dạng trong khoảng từ 15cm đến 30cm - Chất liệu: nhựa hoặc tương đương	Gói	50
17	Dây thép	- Chất liệu: thép hoặc tương đương - Đường kính: Ø2 mm	Kg	30

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu về kỹ thuật (Đối với các thông số cố định. cho phép chừa các kích cỡ khác dao động tối đa $\pm 10\%$)	Đơn vị tính	Số lượng
18	Đầu bắn tôn	- Chất liệu: kim loại hoặc tương đương - Kích thước: $\Phi 6$ mm	Cái	30
19	Đầu bắn vít	- Chất liệu: thép hoặc tương đương	Cái	50
20	Đầu bịt ren ngoài	- Chất liệu: inox 304 hoặc tương đương - Kích thước: $\Phi 15$ mm	Cái	100
21	Đinh bê tông	- Chất liệu: thép hoặc tương đương - Chiều dài: 2cm	Kg	10
22	Đinh tán nhôm	- Chất liệu: kim loại hoặc tương đương - Kích thước: $\Phi 5$ mm	Kg	50
23	Đồng hồ nạp gas R32	- Đồng hồ nạp gas R32 bao gồm tối thiểu: 01 đồng hồ có 02 mặt đồng hồ gồm mặt đo áp cao và áp thấp, 03 sợi dây gas. - Kích thước: 80mm	Bộ	01
24	Ghen điện (10x18)mm	- Chất liệu: nhựa PVC hoặc tương đương - Kích thước 10mm x 18mm - Chiều dài: 2m	Cây	50
25	Ghen điện (10x28)mm	- Chất liệu: nhựa PVC hoặc tương đương - Kích thước 10mm x 28mm - Chiều dài: 2m	Cây	50
26	Hạt công tắc bình nóng lạnh	- Hạt công tắc điện 2 cực - Điện áp: 220V	Cái	100
27	Keo dán ống pvc	- Loại keo: dung môi PVC - Dạng: keo lỏng/gel - Khối lượng: 50g	Tuýp	100
28	Keo dán Silicone	- Loại keo: silicone - Khối lượng: 300gram	Lọ	50
29	Kìm bấm cốt dây điện	- Chất liệu: thép hoặc tương đương - Độ cứng phần đầu: HRC 42–48 hoặc tương đương	Cái	05

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu về kỹ thuật (Đối với các thông số cố định. cho phép chừa các kích cỡ khác dao động tối đa $\pm 10\%$)	Đơn vị tính	Số lượng
30	Kìm cắt	- Chất liệu: thép hoặc tương đương - Kích thước: 6 inch (150 mm)	Cái	20
31	Kìm điện	- Kích thước: 7 inch (175 mm) - Chất liệu: thép hoặc tương đương	Cái	20
32	Kìm kẹp hàn que	- Dòng hàn định mức: 500A - Dùng để kẹp giữ que hàn - Tay cầm cách điện, chịu nhiệt	Cái	05
33	Kìm kẹp mát máy hàn que	- Dòng hàn định mức: 500A - Dùng để kẹp nối mát với vật hàn	Cái	05
34	Kìm nhọn	- Chất liệu: thép sơn tĩnh điện hoặc tương đương - Kích thước: 14cm x 4cm x 2cm	Cái	20
35	Kìm rút đinh tán	- Chất liệu: thép hoặc tương đương - Kích thước: 33.5cm x 15cm x 3cm	Cái	10
36	Lavabo treo tường	- Chất liệu: sứ hoặc tương đương - Kích thước: 50cm x 43cm x 52cm	Cái	10
37	Máng đèn âm trần	- Máng đèn âm trần Sử dụng 03 bóng tuýp LED dài ≥ 1.2 m - Kích thước: 1.237 mm x 96 mm - Chất liệu: kim loại sơn tĩnh điện hoặc tương đương	Bộ	04
38	Mặt ổ cắm	- Mặt ổ cắm điện âm tường loại 2 lỗ - 3 chấu - Chất liệu: kim loại, nhựa PVC hoặc tương đương	Cái	300
39	Mũi khoan Inox	- Chất liệu: thép hoặc tương đương - Đường kính: $\Phi 5$ mm	Cái	100
40	Nở nhựa	- Đường kính: 3mm - Chiều dài: 28mm - Chất liệu: nhựa hoặc tương đương	Cái	500

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu về kỹ thuật (Đối với các thông số cố định. cho phép chừa các kích cỡ khác dao động tối đa $\pm 10\%$)	Đơn vị tính	Số lượng
41	Nở sắt	- Chất liệu: thép không gỉ hoặc hoặc tương đương - Kích thước: $\Phi 10 \times 100\text{mm}$	Cái	50
42	Ổ cắm 3 lỗ	- Ổ cắm điện loại 3 lỗ - Công tắc: 01 - Chiều dài dây dẫn: $\geq 5\text{m}$ - Công suất tối đa: 2200W - 3300W	Cái	200
43	Ổ cắm 6 lỗ	- Ổ cắm điện loại 6 lỗ - Công tắc: 02 - Chiều dài dây dẫn: $\geq 5\text{m}$ - Công suất tối đa: 2200W - 3300W	Cái	300
44	Phao điện chịu tải	- Chất liệu: nhựa hoặc tương đương - Điện áp: 220V	Bộ	50
45	Phao $\Phi 20\text{mm}$	- Đường kính: $\Phi 20\text{mm}$ - Chất liệu thân, trục, cần, chốt van: đồng hoặc tương đương - Chất liệu phao: nhựa	Cái	50
46	Phích cắm điện	- Phích cắm điện hai chân - Chất liệu chân: đồng - Đường kính chân cắm: 4mm	Cái	100
47	Quạt trần	- Quạt trần kiểu treo trần - Công suất: $\geq 75\text{W}$ - Đường kính sải cánh: 1400mm - Chất liệu: kim loại hoặc tương đương	Cái	100
48	Que hàn Inox	- Chất liệu: inox hoặc tương đương - Đường kính: $\Phi 2.5 \text{ mm}$	Kg	50
49	Que hàn sắt	- Chất liệu: sắt hoặc tương đương - Đường kính: 2mm	Kg	50
50	Rơ le bình nóng lạnh	- Rơ le nhiệt dùng cho bình nóng lạnh - Tương thích với các dòng bình nóng lạnh thông dụng, Ariston, Ferroli...	Cái	400

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu về kỹ thuật (Đối với các thông số cố định. cho phép chừa các kích cỡ khác dao động tối đa $\pm 10\%$)	Đơn vị tính	Số lượng
51	Rơ le cây nước uống	- Rơ le nhiệt dùng cho cây nước uống - Kiểu dáng: hình tròn, 02 chân kết nối	Cái	50
52	Tay vịn hỗ trợ cho bồn vệ sinh cho người tàn tật	- Bao gồm 01 thanh tay vịn ngang gắn tường và 01 tay vịn chữ U có chân trụ trợ lực gắn cố định xuống sàn. - Chất liệu: Inox 304 hoặc tương đương - Đường kính: 32mm	Bộ	08
53	Tê lệch ren ngoài	- Chất liệu: inox 304 hoặc tương đương - Kích thước: $\Phi 15$ mm	Cái	50
54	Tô vít	- Tô vít 2 đầu, có tay cầm - Chất liệu: thép hoặc tương đương - Chiều dài: ≥ 190 mm - Đầu vít có từ tính (nam châm) - Tay cầm nhựa mềm	Cái	20
55	Tụ quạt trần	- Tụ điện dùng cho quạt trần - Điện áp định mức: 450V AC - Tần số làm việc: 50–60 Hz - Điện dung: 2 μ F	Cái	300
56	Tua vít đục	- Loại: 2 cạnh hoặc 4 cạnh - Kích thước mũi: 6 mm. - Chiều dài thân: 150 mm. - Chất liệu: thép không gỉ hoặc tương đương	Cái	20
57	Túi đựng đồ	- Chất liệu: vải thô hoặc tương đương - Kích thước: 40cm x 30cm	Cái	10
58	Thước cuộn thép 10m	- Chiều dài: 10m - Bán rộng thước: 19 mm (3/4 inch) - Chất liệu: thép hoặc tương đương	Cái	10
59	Thước cuộn thép 5m	- Chiều dài: 5m - Bán rộng thước: 19 mm (3/4 inch) - Chất liệu: thép hoặc tương đương	Cái	10

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về tính năng, yêu cầu về kỹ thuật <i>(Đối với các thông số cố định. cho phép chừa các kích cỡ khác dao động tối đa ±10%)</i>	Đơn vị tính	Số lượng
60	Van phao cơ 20mm	- Kích thước: 20mm - Chất liệu: đồng hoặc tương đương - Bóng nhựa: Φ 12mm	Cái	20
61	Van phao cơ 32mm	- Kích thước: 32mm - Chất liệu: đồng hoặc tương đương - Bóng nhựa: Φ 18mm	Cái	20
62	Vít bản tôn	- Chất liệu: thép hoặc tương đương - Chiều dài: 5cm	Kg	20
63	Vít bản thẳng	- Chất liệu: thép hoặc tương đương - Chiều dài: 2cm	Kg	20
64	Vít bắt nở	- Kích thước: 4mm × 30mm - Chất liệu vít: inox SUS 410, inox SUS 304, thép mạ kẽm hoặc tương đương - Chất liệu nở: nhựa hoặc tương đương	Cái	500
65	Vòi chậu đôi lavabo	- Loại 02 đường cấp nước (nóng/lạnh) - Chất liệu: kim loại mạ crom, inox hoặc tương đương - Kích thước: Φ15 mm	Cái	80
66	Vòi gạt	- Kích thước: DN15 - Áp lực làm việc tối đa: 10 bar - Nhiệt độ làm việc tối đa: 120°C - Chất liệu thân vòi: đồng hoặc tương đương	Cái	100
67	Vòi xịt hơi	- Chất liệu: kim loại hoặc tương đương - Đường kính dây: 6mm - Chiều dài dây: 5m	Cái	03
68	Xi phong thoát lavabo	- Loại: xả lật dùng cho chậu rửa mặt - Chất liệu: nhựa hoặc tương đương - Tương thích với các loại lavabo thông dụng	Cái	100
69	Xịt chống han rỉ	- Chất liệu lớp vỏ ngoài: kim loại hoặc tương đương - Trọng lượng: ≥300g	Lọ	30

Mẫu báo giá

Gói thầu: Mua sắm vật tư phục vụ công tác sửa chữa thường xuyên năm 2026

BÁO GIÁ

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi...[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá Gói thầu: **Mua sắm vật tư phục vụ công tác sửa chữa thường xuyên năm 2026** như sau:

1. Báo giá Gói thầu: **Mua sắm vật tư phục vụ công tác sửa chữa thường xuyên năm 2026:**

STT	Danh mục hàng hóa/ Dịch vụ	Đặc tính kỹ thuật, thông số kỹ thuật (nếu có)	Ký mã hiệu	Hãng/ Nước sản xuất	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Thuế suất (%)
1									
2									
n	...								

2. Báo giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có)... Và các khoản chi phí khác có liên quan, bên mua không phải trả thêm bất kỳ khoản chi phí nào khác.

3. Hàng hoá mới 100%, bàn giao tại đơn vị sử dụng. Bảo hành theo tiêu chuẩn nhà sản xuất Tháng (nếu có).

4. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày 22/6/2026.

5. Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình

và bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng không giá.

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

....., ngày.... tháng....năm 2026

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ BÁO GIÁ

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))